

# 越南研究

*NGHẸN ƠN VỊT NAM HỒ*

陈继章编著

中国人民解放军外国语学院第五系

## 前言

越南与中国山水相连，她是中国南部的一个友好邻邦。近年来随着两国改革开放事业的不断发展，中越人民之间的经济、文化及其它领域的交流日益广泛和深入。越南学研究就是在这种情况下出现的一个新的社科研究领域，其主要任务是介绍有关当今越南的政治、经济、文化、教育、科技以及地理、人文等方面的综合情况；分析各领域的特点，前景；提供各种最新的信息、资料，展现越南发展的潜力与前景，帮助人们更加全面、深入地了解越南。

自1986年实行革新、开放以来，越南发生了翻天覆地的变化。不仅摆脱了困扰多年的经济停滞困景，而且经济增长速度较快，国家面貌日新月异，人民生活水平不断提高。腾飞的越南逐渐为全世界所瞩目，吸引了众多投资商的关注。目前越南已与167个国家建立了外交关系，同130多个国家和地区保持有经贸交往，吸引了70多个国家和地区的投资。随着越南经济的不断发展，关心、研究越南的人士也逐渐增多。迄今为止，有关越南学研究的国际学术会议已经召开了三次，参与相关工作的有35个国家和地区的近400多名学者。现在，越南已经摆脱了孤立、封闭的境地，冲出了原有的狭小天地，以高度的自信迈向世界，逐步融入国际社会。

20世纪九十年代以来，随着中越双边关系的正常化，双方高层互访频繁，经贸数量逐年增加，两国关系亦走上了良性发展的轨道。进入21世纪后，两国领导人进一步确立了增进友好关系的十六字方针。应该说，中越两国关系的发展前景是光明

的。为了适应这种新形势需求，迎接新的挑战，我们有必要多视角、全方位地来观察、分析和研究越南国情，预测其发展走势，以便对越南有个全新的正确理解。本教程的编印正是基于这种目的，为增进中越两国相互了解，促进文化交流与合作略尽绵薄之力。

为了使读者真实、准确地了解越南国情，本书绝大部分内容用越文撰写。在编写过程中，作者参考了越南2000年后出版的有关著作，搜集了越南电视、报刊、因特网提供的大量资料、统计数字等。在收录、校对时得到韩凤海、冯超、林丽、陈治、陈永林等同志的帮助，在此对他们表示感谢。

由于时间仓促，作者水平有限，故书中错漏不足之处在所难免，敬请各位专家和读者斧正。

作者

2002年6月于洛阳

# 目录

第一章	走进越南.....	1
第二章	历史简介.....	7
第三章	地理概述.....	22
一、	地形.....	22
二、	山脉.....	23
三、	森林.....	25
四、	河流.....	26
五、	平原.....	28
第四章	海洋.....	32
一、	海疆.....	32
二、	海岛.....	34
三、	海洋资源.....	38
第五章	基础设施.....	39
一、	铁路.....	39
二、	公路.....	41
三、	桥梁.....	47
四、	港口.....	49
五、	机场.....	54
第六章	城市与人口.....	63
一、	行政区划.....	63
二、	城市.....	64
三、	居民与人口.....	69
四、	民族.....	70
第七章	国家政体、组织机构.....	73
一、	政体性质及组织原则.....	73
二、	越南共产党.....	73
三、	国会.....	78

四、政府.....	78
五、人民团体.....	81
六、中央及省、市机构设置（现任负责人）.....	85
<b>第八章 军队、公安.....</b>	<b>119</b>
一、建军历程.....	119
二、指挥系列、高级将领.....	122
三、军队规章制度.....	130
四、军队院校.....	131
五、人民公安系统.....	135
<b>第九章 教育.....</b>	<b>138</b>
一、教育方针、目标.....	138
二、学校类型、质量现状.....	140
三、考试制度.....	145
四、教育革新.....	147
<b>第十章 文化、艺术.....</b>	<b>148</b>
一、文化渊源.....	148
二、传统文化.....	151
三、庙会.....	156
四、现代文化文明建设.....	160
五、艺术.....	164
<b>第十一章 宗教信仰.....</b>	<b>166</b>
一、宗教特色.....	166
二、民间信仰.....	168
三、主要宗教.....	170
<b>第十二章 经济外贸.....</b>	<b>182</b>
一、现状.....	182
二、经济发展历程.....	183
三、经济革新.....	185
四、21世纪发展战略.....	193
五、对外贸易.....	195

第十三章 工业与科技.....	197
一、工业.....	197
二、石油天然气.....	198
三、科学技术.....	200
第十四章 农业、水（海）产.....	205
一、农作物.....	207
二、水果.....	209
三、水（海）产.....	211
第十五章 对外关系.....	218
一、与东盟关系.....	219
二、越俄关系.....	221
三、越南与各国共产党的关系.....	225
四、越南与其它国家的关系.....	226
第十六章 当代中越关系.....	239
一、同志加兄弟时期.....	239
二、争执与冲突时期.....	240
三、正常化时期.....	242
四、存在问题.....	245
五、双方联合公报（声明）.....	256
第十七章 相关知识.....	289
一、纪念日.....	289
二、节日.....	290
三、天干地支.....	291
参考书目.....	295

## Chương I Giới thiệu chung về Việt Nam

**Tên nước:** Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

**Thủ đô:** Hà Nội

**Quốc kỳ:** cờ đỏ sao vàng (nền đỏ, có một ngôi sao vàng năm cánh ở chính giữa). Lá cờ đỏ sao vàng xuất hiện lần đầu tiên trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ ngày 23-11-1940. Tác giả sáng tạo ra lá cờ đỏ sao vàng là Nguyễn Hữu Tinh (sinh ngày 5-3-1903 tại tỉnh Hà Nam, hy sinh ngày 28-8-1941). Tâm huyết của tác giả sáng tạo lá cờ Tổ quốc Việt Nam được khắc họa rõ nét trong bài hát của ông:

*Hỡi những ai máu đỏ da vàng  
Hãy chiến đấu dưới cờ thiêng Tổ quốc  
Nền cờ thấm máu đỏ vì nước  
Sao vàng tươi, da của giống nòi  
Đứng lên mau hơn nước gọi ta rồi  
Hỡi sĩ nông công thương binh  
Đoàn kết lại như sao vàng năm cánh*

Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố độc lập tại Quảng trường Ba Đình lịch sử trong cờ đỏ sao vàng pháp phối. Ngày 5-9-1945, Hồ chí Minh ký sắc lệnh ấn định quốc kỳ Việt Nam là lá cờ đỏ sao vàng năm cánh. Ngày 2-3-1946, Quốc hội Việt Nam khóa đầu tiên nhất trí khẳng định: Quốc kỳ Việt Nam là cờ đỏ sao vàng năm cánh.

**Quốc huy:** hai nhánh lúa chín và nửa bánh xe răng cưa, trên nền quốc kỳ, có dòng chữ Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Tại kỳ họp lần thứ 5 của Quốc hội khóa đầu, Quốc hội quyết định chọn mẫu quốc huy do họa sĩ Trần văn Cận sáng tác. Quốc huy Việt Nam hình tròn nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh tượng trưng cho lịch sử cách mạng và tiền đồ sáng lạn

của nước Việt Nam bông lúa vàng bao quanh tượng trung cho nông nghiệp, bánh xe tượng trưng cho công nghiệp và chính giữa, phía dưới có dòng chữ tên nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**Quốc Ca:** Bài tiến quân ca. Bài hát "Tiến quân ca" do nhạc sĩ Văn Cao (1923-1995) soạn nhạc và lời vào cuối năm 1944. Ngay sau khi ra đời, bài hát được các chiến sĩ tiếp nhận và trở thành bài hát chính thức của Mặt trận Việt Minh. Quốc hội khóa đầu của nước Việt Nam đã quyết định lấy bài "Tiến quân ca" làm bài Quốc ca Việt Nam.

**Quốc thiều:** Bản nhạc Bài tiến quân ca.

**Quốc phục:** Nam áo đại cán ; nữ áo dài .

( ăn cơm gạo, ở nhà sàn, mặc áo dài, đi bằng thuyền )

**Quốc âm:** Tiếng Việt ghi bằng chữ Nôm.

**Quốc ngữ:** Tiếng Việt ghi bằng chữ La - tinh.

**Quốc giáo:** Trước có lấy Phật giáo, Nho giáo làm quốc giáo một thời kỳ.

**Quốc trưởng:** Chủ tịch nước (Các ông Hồ Chí Minh, Tôn Đức Thắng, Võ Chí Công, Trường Chinh, Lê Đức Anh, Trần Đức Lương...có ở cương vị Quốc trưởng).

**Biểu tượng nước Việt Nam:** Hạt tâm trống đồng.

**Vị trí Địa lý (đất liền) :**

Kinh độ : từ 102 09' đến 109 30' độ kinh Đông;

Vĩ độ : từ 8 10' đến 23 24' độ vĩ Bắc.

**Diện tích đất liền:** 331.690 km vuông.

Khoảng cách (đường chim bay) giữa hai điểm cực nam và bắc: 1.650 km; Khoảng cách Đông - Tây tối đa: 600 km ( Bắc bộ ); tối thiểu: 50 km ( Quảng Bình, Trung bộ ).

**Dân số:** Hơn 77 triệu người (1999), trong đó nữ chiếm 51,2%; nam chiếm 49,8%.



**Đặc điểm địa lý:** Địa hình Việt Nam có hình chữ S nằm ở phía đông bán đảo Đông Dương, giữa vùng Đông Nam Á, phía Bắc giáp Trung Quốc, phía Tây giáp Lào và Campuchia, phía Đông và Nam giáp biển. Phần lớn diện tích lãnh thổ Việt Nam có địa hình núi đồi tập trung ở phía Bắc và phía Tây; các đồng bằng nằm chủ yếu ở vùng ven biển ở phía Đông và phía Nam lãnh thổ; phía Tây Nam miền Trung Việt Nam là một cao nguyên rộng lớn ở độ cao trên 1000 m, bao phủ bởi lớp đất đỏ bazan rất thích hợp với các cây công nghiệp vùng nhiệt đới và ôn hòa (cao su, chè, cà phê, ca cao...); Bờ biển từ Bắc chí Nam trải dài hơn 3000 km, nằm dọc biển Đông (theo cách gọi tên của Việt Nam) của Thái Bình Dương; Vùng biển của Việt Nam chiếm diện tích khoảng 1.000.000 km vuông (theo số liệu thống kê của Việt Nam). Dọc theo bờ biển Việt Nam, từ Bắc xuống Nam, có nhiều bãi biển đẹp, đặc biệt là vịnh Hạ Long với hơn 3000 hòn đảo, được UNESCO công nhận là kỳ quan thiên nhiên thế giới. Việt Nam có nhiều khu rừng nguyên thủy còn chưa bị khai thác với nhiều loài động, thực vật quý và hiếm, nhiều vùng cao có khí hậu ôn hòa và phong cảnh độc đáo như Sa Pa, Đà Lạt... và vô số hồ, suối, thác và hang động độc đáo... Việt Nam có nhiều mỏ khoáng sản như than đá, sắt, bô-xít và kim loại hiếm tập trung chủ yếu ở miền Bắc và miền Trung; trên thềm lục địa và các vùng biển ven bờ có nhiều mỏ dầu và khí đốt. Các sông, hồ, ao và các vùng biển Việt Nam có nhiều cá tôm và các loại hải sản.

**Đặc điểm khí hậu:** Việt Nam hoàn toàn nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa với các đặc điểm khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều và mưa theo mùa. Vị trí của Việt Nam nằm ở nửa cầu bắc (bắc bán cầu), thiên về khí tuyến hơn là phía xích đạo, do đó Việt Nam có một nền nhiệt độ cao. Nhiệt độ trung bình năm từ 22°C đến 27°C. Hàng năm có khoảng 100 ngày mưa với lượng mưa trung bình từ 1.500 đến 2.000 mm. Độ ẩm không khí trên dưới 80%. Số giờ nắng khoảng 1.500 – 2.000 giờ, nhiệt bức xạ trung bình năm 100 kcal/cm<sup>2</sup>.

Chế độ gió mùa cũng làm cho tính nhiệt đới ẩm của thiên nhiên Việt Nam thay đổi. Nhìn chung, Việt Nam có một mùa nóng mưa nhiều và một mùa tương đối lạnh, ít mưa. Trên nền chung đó, khí hậu của các tỉnh ở phía Bắc (từ đèo Hải Vân trở ra bắc) thay đổi theo 4 mùa khá rõ nét là xuân, hạ, thu, đông.

Việt Nam chịu sự tác động mạnh của gió mùa Đông Bắc, nên nhiệt độ trung bình thấp hơn nhiệt độ trung bình nhiều nước khác có cùng vĩ độ ở châu Á. So với các nước này thì ở Việt Nam nhiệt độ về mùa đông lạnh hơn và mùa hạ ít nóng hơn.

Do ảnh hưởng gió mùa và sự phức tạp về địa hình nên khí hậu Việt Nam luôn luôn thay đổi trong năm, giữa năm này với năm khác và giữa nơi này với nơi khác (từ Bắc xuống Nam và từ thấp lên cao). Khí hậu của Việt Nam cũng tạo ra những bất lợi về thời tiết như Bão (trung bình một năm có 6-10 cơn bão và áp thấp nhiệt đới), lũ lụt, hạn hán... thường xuyên đe dọa và gây thiệt hại nặng về tài sản và tính mạng.

Nhiệt độ của 3 Thành phố tiêu biểu cho 3 miền Bắc, Trung, Nam :

Hà Nội	23°4 C	16°5 C (t.giêng)	38°8 C (t.sáu)
Huế	25°1 C	16°7 C (t.giêng)	39°4 C (t.sáu, bảy)
TP Hồ Chí Minh	26°9 C	25°8 C (t.giêng)	38°9 C (t. t)

Lượng mưa trung bình trong năm :

Hà Nội: 1.763 mm; Huế: 2.867 mm; TP Hồ Chí Minh: 1.910 mm.

Độ ẩm trung bình vượt 80%, thậm chí 90% trong mùa mưa và thời kỳ có mưa phùn.

## Tài nguyên du lịch

Việt Nam không những có nhiều tài nguyên rừng, thủy hải sản và khoáng sản, mà còn rất giàu có về tài nguyên du lịch. Đất nước Việt Nam bốn mùa xanh tươi, có nhiều núi, rừng, sông, biển, có đồng bằng và cao nguyên. Núi non đã tạo nên những vùng cao có khí hậu rất gần với ôn đới, nhiều hang động, ghềnh thác, đầm phá, nhiều điểm nghỉ dưỡng và danh lam thắng cảnh như:

Nơi nghỉ mát điều dưỡng: Sa Pa (tỉnh Lào Cai), Tam Đảo (tỉnh Vĩnh Phúc), Đà Lạt (tỉnh Lâm Đồng), núi Bà Đen (tỉnh Tây Ninh)...

Nơi tham quan Di tích thiên nhiên: động Tam Thanh (tỉnh Lạng Sơn), động Từ Thức (tỉnh Thanh Hoá), động Phong Nha (tỉnh Quảng Ninh)...

Các hồ, vịnh chứa nước: thác Bản Giốc (tỉnh Cao Bằng), hồ Ba Bể (tỉnh Bắc Kạn), hồ thủy điện Sông Đà (tỉnh Hoà Bình - Sơn La), hồ thủy điện Trị An (tỉnh Đồng Nai), hồ thủy điện Ialy (Tây Nguyên), hồ Thác Bà (tỉnh Yên Bái), vịnh Hạ Long (tỉnh Quảng Ninh, đã được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên của thế giới)...

Các đảo đẹp trên biển: Côn Đảo (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), đảo Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang)...

Các bãi tắm biển nổi tiếng (dọc 3.260 km bờ biển Việt Nam có 125 bãi biển và 16 bãi tắm đẹp nổi tiếng) như: Trà Cổ, Bãi Cháy (tỉnh Quảng Ninh), Đồ Sơn (gần TP Hải Phòng), Sầm Sơn (tỉnh Thanh Hoá), Cửa Lò (tỉnh Nghệ An), Lăng Cô (Tỉnh Thừa Thiên - Huế), Non Nước (TP Đà Nẵng), Nha Trang (tỉnh Khánh Hoà), Vũng Tàu (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)...

Các di sản, di tích lịch sử và văn hoá: có 2.250 di tích được nhà nước Việt Nam xếp hạng bảo vệ. Trong số đó nổi tiếng nhất là: đền Hùng, Cố Loa, Văn Miếu... Đặc biệt là khu di tích cố đô Huế đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hoá thế giới. Ngoài ra, còn hàng nghìn đền, chùa, nhà thờ. Công trình xây dựng...

Với tiềm năng du lịch phong phú, đa dạng, độc đáo như thế, Việt Nam đang tích cực tạo điều kiện tốt cho bạn bè khắp năm châu ngày càng hiểu biết và yêu mến đất nước Việt Nam giàu đẹp và đang phát triển lớn mạnh.

Sức mạnh tổng hợp cả nước tính đến 2001:

Lương thực 35,10 triệu tấn; thép 2 triệu tấn;

Than 10, 5 triệu tấn; dầu mỏ 18, 40 triệu tấn

Tổng ngân sách xuất nhập khẩu đạt 32,8 tỷ USD/năm, trong đó xuất khẩu đạt 16,2 tỷ USD; nhập khẩu đạt 16,6 tỷ USD. GDP bình quân đầu người/năm khoảng 400 USD (thành phố Hồ Chí Minh đạt 1000 USD/năm), số người nghèo (tức là GDP bình quân đầu người/năm dưới 300 đô la) chiếm khoảng 20%.

Ở Việt Nam, hiện nay có 90% xã có đường ô-tô, 10% xã còn chưa có; 600 xã chưa có ô-tô đi thị xã, thành phố ; 30% xã chưa có điện; 60% nông dân chưa được uống nước sạch; số người nghèo khoảng 20%, có tình lên tới 50%; có khoảng 1700 xã nghèo, 91 huyện nghèo. Nói tóm lại, có thể ăn no mặc ấm, chưa ăn sướng mặc đẹp.

## Chương II Tóm tắt lịch sử Việt Nam

### I. Tên Việt Nam có từ bao giờ ?

Văn Lang

Âu Lạc

Giao Chỉ, Giao Châu ( Nhà Hán )

An Nam đô hộ phủ ( thời Nhà Đường )

Đại Cồ Việt ( 槩 )

Đại Việt ( Nhà Tống )

An Nam - Đại Nam

Năm 1802, chính phủ Nhà Thanh đồng ý An Nam đổi tên là Việt Nam;

Năm 1803, 阮福映请求清朝封“南越国王”，南，安南之南；越，越裳之越。清政府为避开与古代南越国重名（西广，越中北部），因南越之地包括两广，故以“越南”区别于“南越”。

1804年清朝封越南国号，封阮福映为越南国王。

Năm 1938, vua Minh Mệnh nhà Nguyễn Việt Nam đổi tên: Đại Nam.

Năm 1945, Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời.

Năm 1950, Việt Nam cộng hoà ( ở miền Nam ).

Ngày 2 tháng 7 năm 1976, thống nhất cả nước Việt Nam lấy tên là Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

### II. Phân kỳ lịch sử :

#### 1. Thời kỳ truyền thuyết

“Lịch sử Việt Nam” có ghi: Việt Nam có một cộng đồng người, cộng đồng văn hoá khá rộng lớn và được hình thành rất lâu từ các bộ lạc người thuỷ phát triển thành dân tộc.

Hàng nghìn năm trước công nguyên, theo truyền thuyết có 18 đời Vua

Hùng, được gọi là đỉnh cao lịch sử thứ nhất Việt Nam.

Hình thành Văn Lang-Âu Lạc, văn hoá Đông Sơn.

2. Thời kỳ chế độ quận huyện (111 公元前—公元 39 年, Bắc thuộc I)

Năm 213 trước công nguyên, nhà Tần cử tướng Triệu Đà tiến vào Nam Việt (今广东番禺), thống nhất các vùng ở Lĩnh Nam, và xưng vương. Năm 207 trước công nguyên – năm 137 gọi là Triệu Vũ Vương.

Năm 111 trước công nguyên, nhà Hán tiêu diệt triều Nam Việt, nhà Hán đặt Bộ Giao Chỉ và 9 quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam (交趾, 九真, 日南 – 在今越南北, 中部);一直到唐朝安史之乱 (755 年) – 937 年安南人建立政权.

公元 43—544 年为三国, 晋, 宋之藩属. (Việt Nam gọi là Bắc thuộc lần thứ hai);

公元 603—939 年为隋, 唐, 五国之藩属. (Việt Nam gọi là Bắc thuộc lần thứ ba).

3. Thời kỳ độc lập dựng nước Đại Việt: (939 – 1945 = 1010 năm)

Các triều đại vua chúa phong kiến Việt Nam:

- Nhà Ngô (939-968)

Nhân lúc nhà Đường loạn lạc (An Sử), sự tan rã của An Nam đô hộ phủ, Ngô Quyền chống lại quân dẹp loạn đại thắng ở sông Bạch Đằng, rồi tự xưng Vương ở Cổ Loa (gần Hà Nội). Nhưng từ 945-967, nội bộ nhà Ngô lại có Thập nhị Sứ quân tranh giành quyền lực và địa vị.

- Nhà Đinh (968-979): Đinh Bộ Lĩnh đóng đô ở Hoa Lư (华闾), xưng Đinh Tiên Hoàng, lấy quốc hiệu là Đại cồ Việt. (大瞿越国, 第一个独立国家)

- Nhà Lê (Tiền Lê) (980-1009): Lê Hoàn xưng nước ở Hoa Lư.

- Nhà Lý (1010-1225)

Lý Công Uẩn lên ngôi, dời đô từ Hoa Lư đến Đại La, xưng Lý Thái Tổ. “Chiếu Dời Đô” là bài văn thứ nhất chữ Hán của Việt Nam.

- Nhà Trần (1226-1400)

Trần Cảnh, tức Thái Tông. Có Trần Quốc Tuấn thắng quân Mông Cổ. 向

南扩张占领占婆，形成现今越南之版图。

- Nhà Hồ (1400-1407): Hồ Quý Ly

Năm 1407-1427, nhà Minh lấy lại đất An Nam, đặt quận huyện ở Giao Châu cũ, có 17 phủ và 5 châu.

Thời kỳ Bắc thuộc lần thứ 4 (较短，不算一个时期)。

- Nhà Lê (Hậu Lê) (1428-1527=99)

Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn, rồi xây dựng nhà Lê đóng đô ở Thăng Long.

- Nhà Mạc (1527-1592 = 65); Mạc-Lê phân tranh (1592-1786 =195)

Mạc Đăng Dung cướp ngôi làm vua; Tướng nhà Lê Trịnh Tùng lấy được Bắc Triều; Tướng nhà Mạc Nguyễn Kim - Nguyễn Hoàng lấy được Thuận Hoá, Chiêm Thành rồi xưng là Nam Triều, nước Chiêm Thành mất hẳn (1697).

- Tây Sơn khởi nghĩa (1786-1788)

- Nhà Nguyễn (1802-1945 =143)

Nguyễn Huệ thống nhất Nam Bắc, chống lại quân nhà Thanh, đóng đô ở Huế.

1847 quân đội Pháp tấn công Đà Nẵng, rồi chiếm Việt Nam.

4. Thời kỳ dựng nước độc lập thống nhất, thời kỳ cách mạng xây dựng nhà nước dân chủ cộng hoà (1945- nay )

Các phong trào yêu nước và chống Pháp 80 năm dài, nhất là từ năm 1919 trở đi, các chí sĩ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Hoàng Hoa Thám... đấu tranh không ngừng.

Ngày 2-3-1930, ra đời Đảng Cộng sản Đông Dương, Năm 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước Việt Nam tổ chức lực lượng cách mạng, hội ý Bắc ở vùng biên giới Trung-Việt; Năm 1944 tổ chức lực lượng vũ trang; Tháng 6 năm 1945, thành lập Việt Minh; Ngày 14-8-1945, Nhật đầu hàng; Việt Minh phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền, ngày 19-8-1945,

khởi nghĩa giành được thắng lợi; Vua Bảo Đại nhà Nguyễn ở Huế tuyên bố thoái vị, tại buổi lễ thoái vị tổ chức tại Huế, các phe chính trị tranh giành chính quyền, Hồ Chí Minh thay mặt Việt Minh đứng ra tổ chức chính phủ... Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời...

Ngày 18-1-1950, chính phủ Trung Quốc công nhận Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa; ở miền Nam, được Mỹ ủng hộ tổ chức ra chính phủ Việt Nam Cộng hòa.

Ngày 7-5-1954, chiến thắng Điện Biên Phủ, rồi họp hội nghị Giơ-ne-vơ; Ngày 21-7-1954, hai miền Nam Bắc lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới tạm thời...

Từ năm 1960, Đảng và chính phủ Việt Nam mở chiến tranh chống Mỹ cứu nước, qua 15 năm chiến tranh ác liệt đã thực hiện: mục tiêu "đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào", lần lượt giải phóng các vùng ở miền Nam và ngày 30-5-1975, quân đội nhân dân Việt Nam tiến ra giải phóng Sài Gòn và toàn bộ lãnh thổ ở miền Nam...

Ngày 25-4-1976, thành lập Quốc hội thống nhất; Ngày 24-6 đến 3-7-1976, họp Quốc hội thống nhất, lấy tên nước thống nhất là: Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

### III. Quá trình diễn biến lịch sử

Theo truyền thuyết và nhiều đồ vật khảo cổ học phát hiện, trên đất nước Việt Nam đã có người sinh sống từ hồi rất xa xưa. Họ biết sử dụng những chiếc khuôn làm bằng đất sét hay đá cát. Họ biết trồng lúa và chăn nuôi một số gia súc như trâu, bò, lợn, gà. Có thể nhận ra ba nhóm văn hoá phân bố ở ba khu vực. Nhóm thứ nhất, thường được gọi là các văn hoá Tiền Đông Sơn, phân bố trong các lưu vực sông Hồng, sông Mã và sông Cả. Nhóm thứ hai, thường được gọi là các văn hoá Tiền Sa Huỳnh, phân bố ở vùng Nam Trung Bộ. Và nhóm thứ ba, phân bố trong lưu vực sông Đông Nai ở miền Đông



Nam Bộ.

ở miền Bắc Việt Nam, các văn hoá Tiền Đông Sơn tương ứng với giai đoạn đầu của thời kỳ Hùng Vương được nhắc đến trong truyền thuyết.

Cho đến khoảng 2.700 năm cách ngày nay, các nhóm văn hoá Tiền Đông Sơn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ đã hội tụ lại thành một văn hoá thống nhất, đó là văn hoá Đông Sơn. Văn hoá Đông Sơn hiện nay được coi là thuộc thời đại đồ sắt sớm vì một số công cụ bằng sắt đã xuất hiện. Nhưng các chế phẩm bằng đồng thau tinh mỹ là đặc trưng của văn hoá này. Hiện vật tiêu biểu là những chiếc trống đồng lớn có hoa văn trang trí đẹp.

Trong văn hóa Đông Sơn, đã có sự phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo. Đối chiếu với các thư tịch cổ Trung Quốc và Việt Nam, các học giả Việt Nam hiện nay cho rằng với văn hoá Đông Sơn, tại đây đã xuất hiện một nhà nước sơ khai. Tính thống nhất văn hóa rộng lớn trong thời kỳ Đông Sơn, từ biên giới Việt-Trung ở phía bắc đến bờ sông Gianh ở phía Nam, cũng phản ánh sự tồn tại của một quốc gia của người Việt cổ. Có thể đó là quốc gia Văn Lang của các vua Hùng.

Trong khi đó, ở phần Nam Trung bộ, các văn hoá Tiền Sa Huỳnh cũng phát triển lên thành văn hoá Sa Huỳnh thời đại sắt. Tiêu biểu cho nền văn hoá này là những khu mộ chum chứa nhiều công cụ bằng sắt, cùng với đó trang sức bằng mã não hay ngọc bích. Văn hoá này phân bố rộng từ Thừa Thiên cho đến lưu vực sông Đồng Nai, Chủ nhân của văn hóa Sa Huỳnh có thể là tổ tiên của người Chăm, những người đã xây dựng vương quốc Champa.

Tiếp sau quốc gia các vua Hùng là nước Âu Lạc do An Dương Vương Thục Phán thành lập vào giữa thế kỷ 3 trước Công nguyên (theo nhà sử học Trung Quốc là Tư Mã Thiên). Một kỳ tích của An Dương Vương là xây dựng thành Cổ Loa với ba vòng thành, ngày nay vẫn còn dấu tích.

Năm 179 trước Công nguyên, nước Âu Lạc bị Triệu Đà, vua của nước Nam Việt chiếm, đến năm 111 trước Công nguyên, nhà Hán đặt chế độ quận,